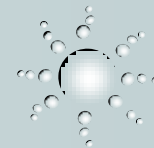




# KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU

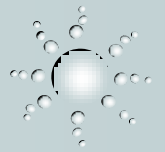
# MỤC TIÊU



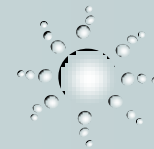
**Giúp người học hiểu và thực hiện các nội dung:**

- ❖ Nhận biết được một khoản thuộc vốn chủ sở hữu
- ❖ Hiểu được mục đích sử dụng của những khoản thuộc vốn chủ sở hữu
- ❖ Ghi nhận và theo dõi những khoản thuộc vốn chủ sở hữu
- ❖ Trình bày các chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính

# TÀI LIỆU THAM KHẢO



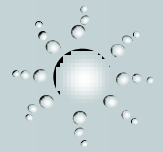
- ❖ Luật kế toán
- ❖ VAS 01, VAS 10, VAS 21, VAS 24
- ❖ Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp
- ❖ Giáo trình Kế toán tài chính, ĐHNH, TS. Lê Thị Thanh Hà – ThS. Nguyễn Quỳnh Hoa
- ❖ Giáo trình Kế toán tài chính, trường ĐH Kinh tế TP.HCM, Bộ môn kế toán tài chính
- ❖ BCTC các công ty niêm yết



**1. KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**2. TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BCTC**

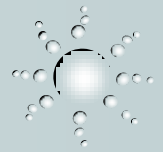
# 1. KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU



## KHÁI NIỆM

Vốn chủ sở hữu (Equity/ Owners' equity) là giá trị vốn góp của doanh nghiệp, được tính bằng số chênh lệch giữa giá trị của Tài sản (Assets) của doanh nghiệp trừ Nợ phải trả (Liabilities) *(đây là điểm khác biệt giữa Vốn chủ sở hữu và Nợ phải trả)*

# 1. KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU

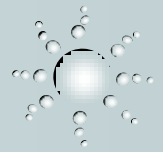


## KHÁI NIỆM

**Vốn chủ sở hữu bao gồm:**

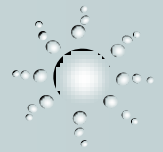
- Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu;
- Vốn được bổ sung từ kết quả hoạt động SXKD;

# 1. KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU



- Chênh lệch tỷ giá chưa xử lý, chênh lệch đánh giá lại TS, LN sau thuế chưa sử dụng, các quỹ;
- Các khoản thặng dư vốn cổ phần do phát hành cổ phiếu cao hơn hoặc thấp hơn mệnh giá;
- Cổ phiếu quỹ.

# 1. KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU



1.1

KT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CSH

1.2

KT CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN

1.3

KT CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

1.4

KT CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

1.5

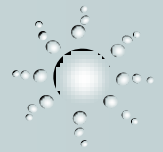
KT CỔ PHIẾU QUỸ

1.6

KT LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI



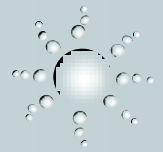
## 1.1. KT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



**VĐTCSH bao gồm:**

- Vốn góp ban đầu hoặc bổ sung của CSH;
- Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc VCSH, LNST;
- Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi (quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu);
- Các khoản viện trợ không hoàn lại được cho phép ghi tăng VCSH.

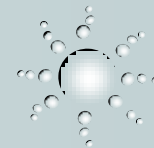
## 1.1. KT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



### 1.1.1. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Owners' capital) phải được phản ánh theo số *vốn góp thực tế*, không theo số cam kết (vốn điều lệ)

## 1.1. KT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



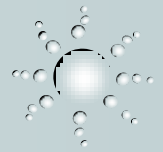
### 1.1.1. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN:

Đối với công ty cổ phần, vốn góp của cổ đông ghi nhận:

Vốn đầu tư của CSH: .....

Thặng dư vốn cổ phần: .....

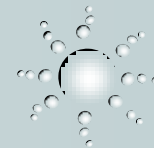
## **1.1. KT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**



### **1.1.2. CHỨNG TỪ KẾ TOÁN:**

- Hồ sơ thành lập DN**
- Biên bản bàn giao**
- Biên bản góp vốn**
- Giấy báo của ngân hàng**

# 1.1. KT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



## 1.1.3. TÀI KHOẢN KẾ TOÁN (ACCOUNTS):

112 – Tiền gửi ngân hàng (Cash at bank)

411 – Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Owners' Capital)

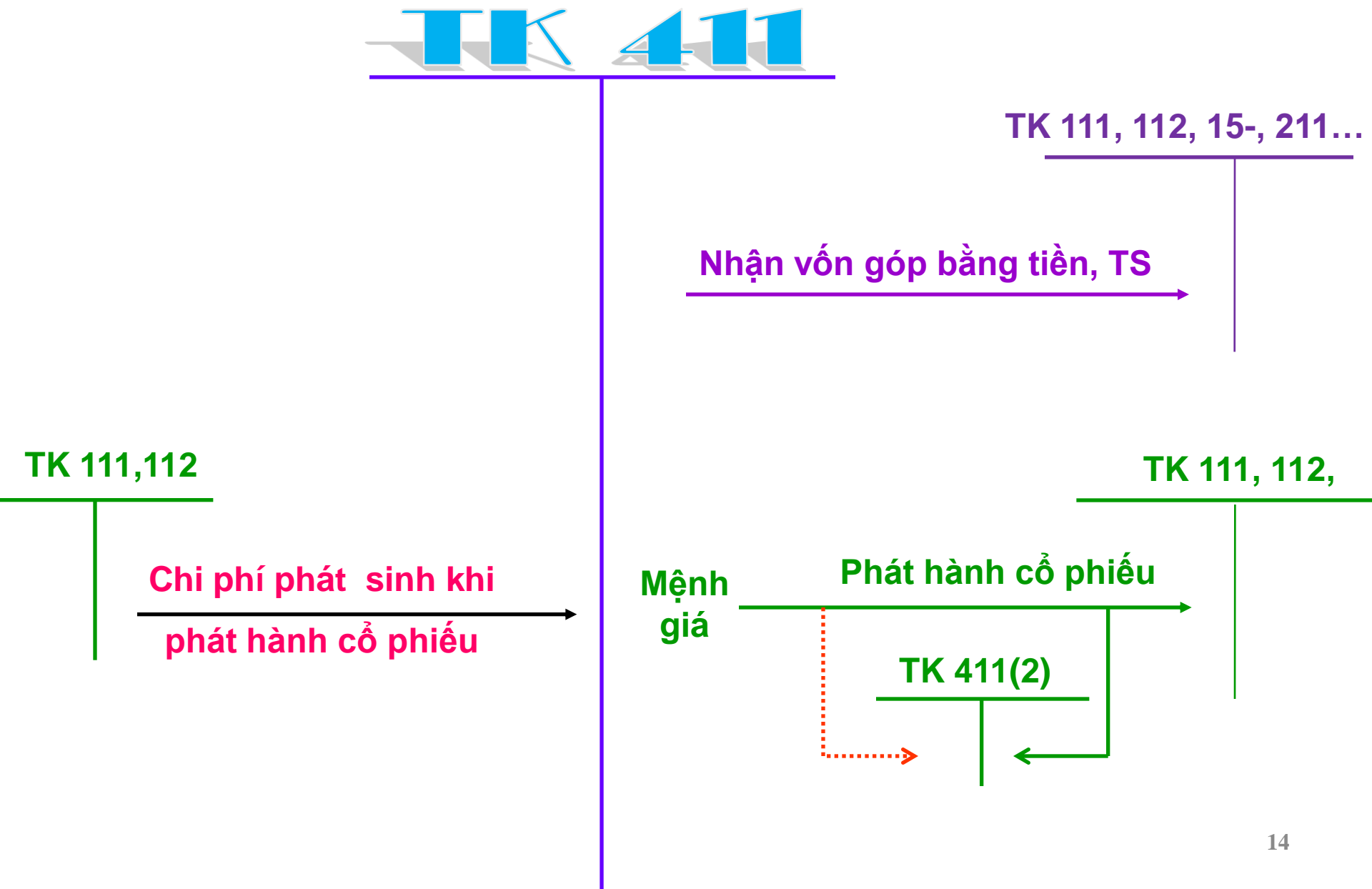
4111 – Vốn góp của chủ sở hữu (Share capital/ Legal Capital)

41111 – Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết (Ordinary shares)

4112 – Thặng dư vốn cổ phần (Share premium)

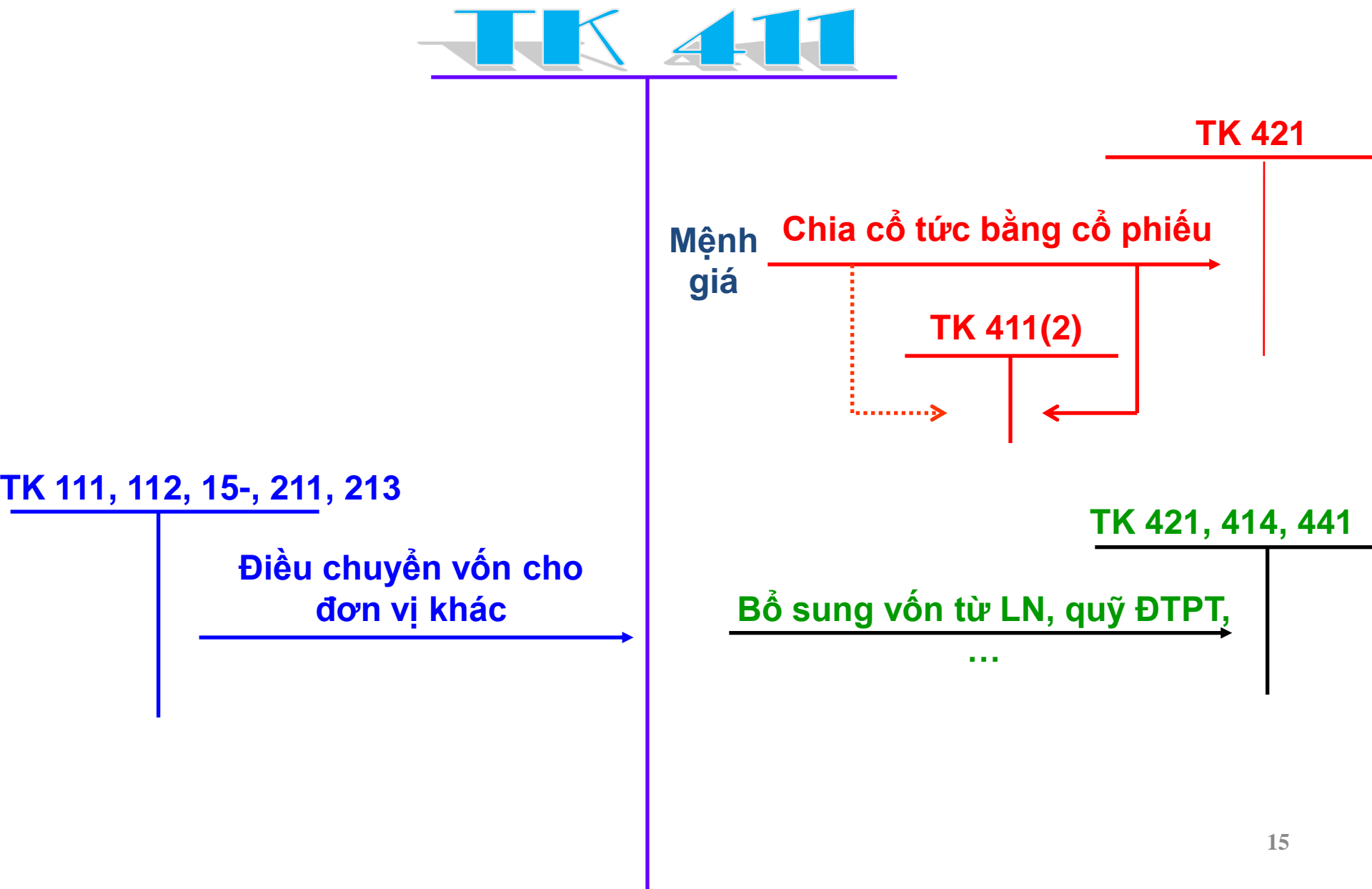
## 1.1.4

## PP KT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CSH – TK 411



## 1.1.4

## PP KT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CSH – TK 411



## 1.1. KT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

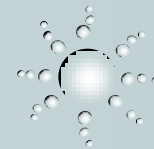


Công ty CRV kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, phát sinh một số nghiệp vụ sau:

- Phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ thu bằng chuyển khoản:
- Số lượng: 2.000.000 cp
- Mệnh giá: 10.000đ/cp
- Giá phát hành: 13.000đ/cp; 8.000đ/cp
- Chi phí phát hành: 0,5% trên giá trị phát hành.



# 1.1. KT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



## 1.1.5. TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BCTC:

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Statement of Financial Position/ Balance sheet)

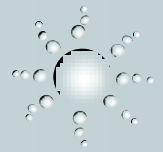
#### D. Vốn chủ sở hữu (Equity/ Owners' Equity)

##### 1. Vốn góp của chủ sở hữu (Share Capital/ Legal Capital)

- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết (Ordinary Shares)
- Cổ phiếu ưu đãi (Preferred Shares)

##### 2. Thặng dư vốn cổ phần (Share Premium)

# 1.1. KT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



## 1.1.5. TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BCTC:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Notes to The Financial Statements)**

**25. Vốn chủ sở hữu ( Equity/ Owners' Equity)**

*Ví dụ: Bài tập 61 trang 399*



## Chênh lệch đánh giá lại tài sản:

- Là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản với giá trị đánh giá lại tài sản.
- TS được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, BĐSĐT hoặc VT-HH.

⊗ Chênh lệch đánh giá lại tài sản được ghi nhận vào TK 412 trong những trường hợp:

- ✓ Khi có quyết định của NN đánh giá lại tài sản.
- ✓ Khi thực hiện cổ phần hoá DNNN.
- ✓ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- ☉ Chênh lệch đánh giá lại tài sản khi góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con phản ánh vào **TK 711/811**.
- ☉ Giá trị TS được đánh giá lại trên cơ sở bảng giá của NN, hội đồng định giá hoặc cơ quan định giá chuyên nghiệp xác định.

## TK 412 - CLĐGLTS

- Số chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản.
- Xử lý chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản.

- Số chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản.
- Xử lý chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản.

CPS:

CPS:

## TK 412

TK 152, 153, 155, 156

Phần CL giá đánh giá  
lại thấp hơn giá ghi sổ

TK 152, 153, 155, 156

Phần CL giá đánh giá  
lại cao hơn giá ghi sổ

TK 211, 213, 217

Phần CL giá đánh giá  
lại thấp hơn giá ghi sổ

TK 211, 213, 217

Phần CL giá đánh giá  
lại cao hơn giá ghi sổ

TK 214

TK 214

# TK 412

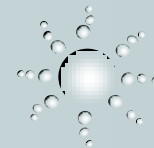
TK 411

Cuối năm TC: Xử lý 412

Cuối năm TC: Xử lý 412



## 1.3. KT CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI



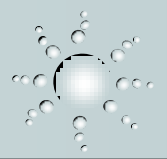
### 1.3.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM:

**Tỷ giá hối đoái (Exchange rate)** là tỷ giá trao đổi giữa hai đơn vị tiền tệ.

**Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Foreign exchange differences)** là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi của cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo các tỷ giá hối đoái khác nhau.

**Tỷ giá hối đoái cuối kỳ (Closing rate)** là tỷ giá hối đoái sử dụng tại ngày lập Bảng cân đối kế toán

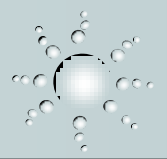
## 1.3. KT CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI



***Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ*** là những tài sản có quyền thu hồi hoặc nợ phải trả có nghĩa vụ phải thanh toán tại một thời điểm trong tương lai bằng ngoại tệ, có thể bao gồm:

- a) Tiền mặt, các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ;
- b) Các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ:
  - Các khoản trả trước cho người bán và các khoản chi phí trả trước bằng ngoại tệ,
  - Các khoản người mua trả tiền trước và các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ;

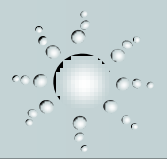
### 1.3. KT CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỒI ĐOÁI



c) Các khoản đi vay, cho vay dưới mọi hình thức được quyền thu hồi hoặc có nghĩa vụ hoàn trả bằng ngoại tệ;

d) Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ được quyền nhận lại bằng ngoại tệ; Các khoản nhận ký cược, ký quỹ phải hoàn trả bằng ngoại tệ;

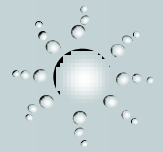
## 1.3. KT CHÈNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI



### 1.3.2. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN MỤC TIỀN TỆ CÓ GỐC NGOẠI TỆ:

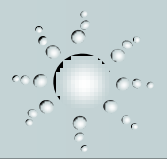
- a) Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo *tỷ giá giao dịch thực tế* tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá này *được công bố bởi NHTM nơi DN thường xuyên có giao dịch* (do DN tự lựa chọn), theo nguyên tắc:
- Những khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là *tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ*. (Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì sử dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi DN mở tài khoản ngoại tệ)

### 1.3. KT CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

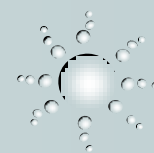


- Những khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là *nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ*.
- Các đơn vị trong tập đoàn: *được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định* (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

### 1.3. KT CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI



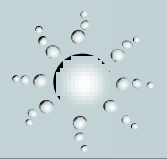
b) Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trước tiên được ghi vào Tài khoản 4131 - Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, sau đó tổng hợp ghi số chênh lệch lãi/lỗ thuần vào Tài khoản Chi phí tài chính hay Thu nhập tài chính.



### 1.3.2. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN MỤC TIỀN TỆ CÓ GỐC NGOẠI TỆ:

- ☞ Tất cả các khoản CLTGHĐ đều được phản ánh vào **TK 515/ TK 635** tại thời điểm phát sinh.
- ☞ CLTGHĐ giai đoạn trước hoạt động của DNNN nắm giữ 100% VĐL thực hiện dự án quốc gia → phản ánh trên **TK 413** và phân bổ vào **TK 515/635** thông qua **TK 3387/242**.

## 1.3. KT CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI



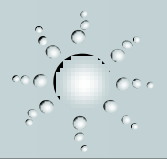
**Ví dụ:** Tại công ty Bình Minh (kỳ kế toán: quý), ngày 31/3/20X5: tiền gửi ở Sacombank 50.000 USD, khoản phải thu 80.000 USD, khoản phải trả 40.000 USD. Công ty giao dịch chủ yếu tại Sacombank.

*Biết rằng:* Tỷ giá đóng cửa 31/3/20X5 của Sacombank: Tỷ giá mua tiền mặt: 21.200VND/USD; tỷ giá mua chuyển khoản: 21.330VND/USD; tỷ giá bán chuyển khoản 21.360VND/USD.

*Yêu cầu:* Hãy cho biết công ty Bình Minh dùng tỷ giá nào để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày 31/3/20X5?



## 1.3. KT CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI



### 1.3.3. TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Foreign exchange differences)

112 – Tiền gửi ngân hàng (Cash at bank)

131 – Phải thu của khách hàng (Accounts receivable)

331 – Phải trả cho người bán (Accounts payable)

515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Financial income)

635 – Chi phí tài chính (Financial expenses)

# 1.3.4 PP KT CHÈNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI – TK 413

**TK 413**

**TK 11-, 13-, 3--**

**1a**

**(LỖ)**

Khi lập BCTC: Đánh  
giá lại CKMTTCGNT

**TK 515**

**2a**

Xử lý CLTGHD do đánh giá lại  
CKMTTCGNT

K/C Lãi TGHD vào DT HĐTC

**TK 11-, 13-, 3--**

**1b**

**(LÃI)**

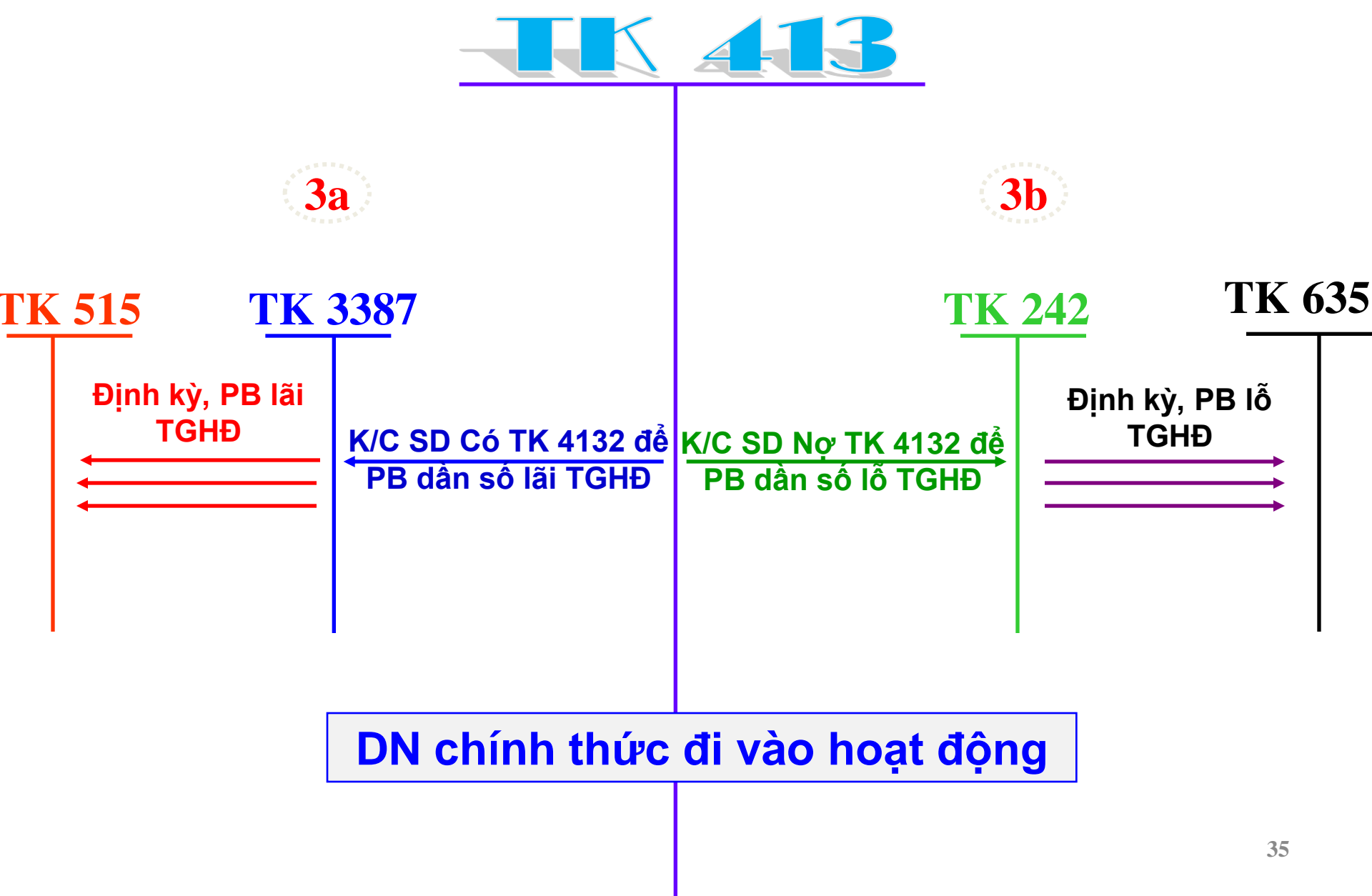
Khi lập BCTC: Đánh  
giá lại CKMTTCGNT

**TK 635**

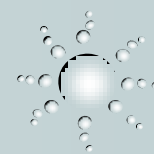
**2b**

Xử lý CLTGHD do đánh giá lại  
CKMTTCGNT

K/C Lỗ TGHD vào DT HĐTC



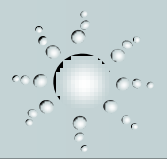
### 1.3. KT CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẢI



Ví dụ: Tại công ty Bình Minh (kỳ kế toán: quý), ngày 31/3/20X5:

- Tiền gửi ở Sacombank 50.000 USD (tỷ giá ghi sổ 21.310VND/USD),
- Khoản phải thu của khách hàng A 80.000 USD (tỷ giá ghi sổ 21.340VND/USD),
- Khoản phải trả cho người bán X 40.000 USD (tỷ giá ghi sổ 21.350VND/USD). Công ty giao dịch chủ yếu tại Sacombank.

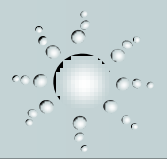
## 1.3. KT CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI



*Biết rằng:* Tỷ giá đóng cửa 31/3/20X5 của Sacombank: Tỷ giá mua tiền mặt: 21.200VND/USD; tỷ giá mua chuyển khoản: 21.330VND/USD; tỷ giá bán chuyển khoản 21.360VND/USD.

*Yêu cầu:* Hãy cho biết kế toán của Công ty Bình Minh xử lý nghiệp vụ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày 31/3/20X5 như thế nào?

## 1.3. KT CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI



### 1.3.5. TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BCTC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
( Income Statement/ Statement of Comprehensive income)

...

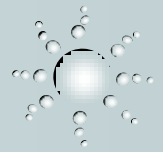
**6. Doanh thu hoạt động tài chính (Financial Income)**

**7. Chi phí tài chính (Financial Expenses)**

...

*Ví dụ: Bài tập 58 trang 396*

## 1.5. KT CỔ PHIẾU QUỸ

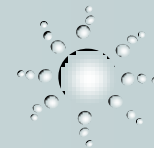


### 1.5.1. KHÁI NIỆM :

*Cổ phiếu quỹ (Treasury shares)* là cổ phiếu do công ty phát hành và được mua lại bởi chính công ty phát hành, nhưng nó không vị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

*Các cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia chia phần tài sản khi công ty giải thể.*

## 1.5. KT CỔ PHIẾU QUỸ

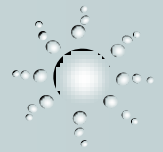


### 1.5.2. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN:

- ❖ Giá trị cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin. . .
- ❖ Cuối kỳ kế toán, khi lập báo cáo tài chính, giá trị thực tế của cổ phiếu quỹ được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh trên Bảng cân đối kế toán bằng cách ghi số âm.

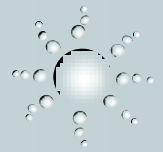


## 1.5. KT CỔ PHIẾU QUỸ



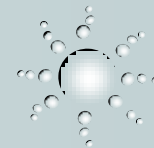
- ❖ Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu do chính công ty phát hành nhằm mục đích thu hồi cổ phiếu để huỷ bỏ vĩnh viễn ngay khi mua vào thì giá trị cổ phiếu mua vào không được phản ánh vào tài khoản 419 – Cổ phiếu quỹ mà ghi giảm trực tiếp vào vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

## 1.5. KT CỔ PHIẾU QUỸ



❖ Trị giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành, hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng, . . . được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

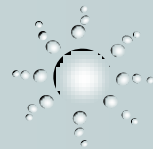
## 1.5. KT CỔ PHIẾU QUỸ



### 1.5.3. QUY TRÌNH MUA, BÁN CỔ PHIẾU QUỸ:



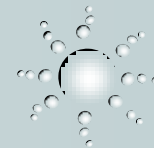
## 1.5. KT CỔ PHIẾU QUỸ



### 1.5.4. CHỨNG TỪ KẾ TOÁN:

- **Lệnh mua/bán**
- **Giấy báo nợ**
- **Giấy báo có**

## 1.5. KT CỔ PHIẾU QUỸ



### 1.5.5. TÀI KHOẢN SỬ DỤNG:

112 – Tiền gửi ngân hàng (Cash at bank)

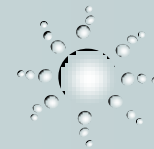
411 – Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Owners' equity)

4111 – Vốn góp của chủ sở hữu (Share Capital/ Legal Capital)

4112 – Thặng dư vốn cổ phần (Share premium)

419 – Cổ phiếu quỹ (Treasury shares)

421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Retained earnings)

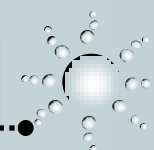


## KT TĂNG CPQ:

- 1) Mua CPQ. \*
- 2) Chi phí phát sinh khi mua CPQ. \*

## KT GIẢM CPQ:

- 3) Tái phát hành CPQ. \*
- 4) Hủy bỏ CPQ.
- 5) Trả cổ tức bằng CPQ.



# TK 419

TK 111, 112

Doanh nghiệp mua lại

1

CPQ

Giá

Tái phát hành CPQ

BQGQLH

3a

TK 411(2)

TK 111, 112

Zttr

TK 111, 112

Chi phí phát sinh khi

2

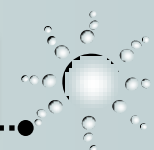
mua CPQ

TK 111,112

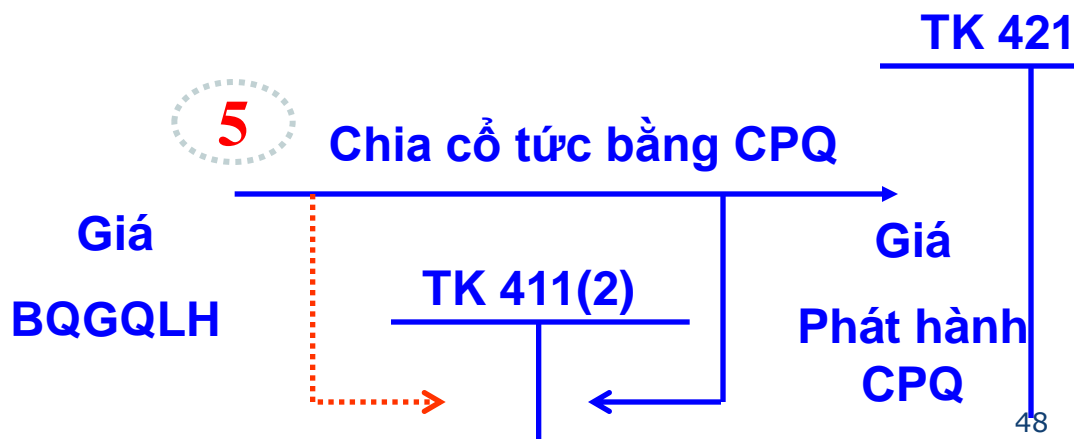
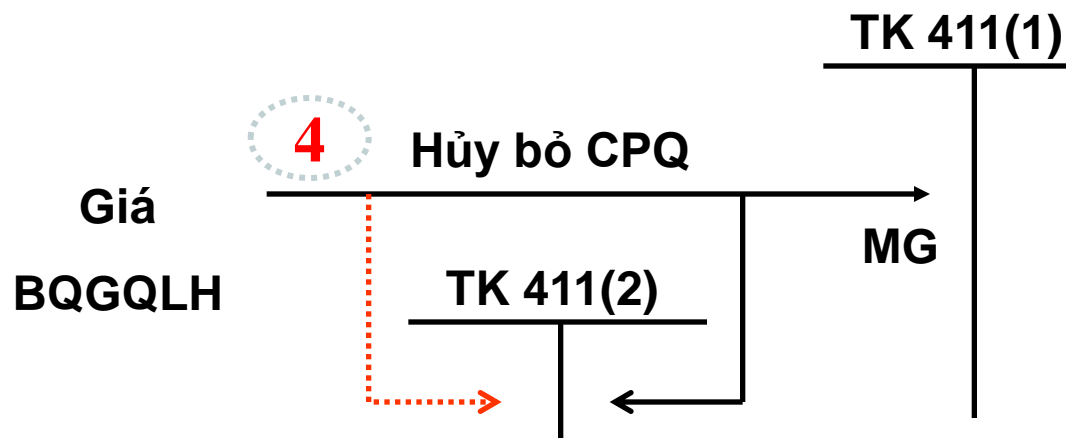
TK 411(2)

Chi phí phát sinh khi  
tái phát hành CPQ

3b

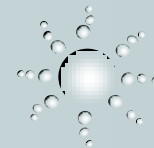


# TK 419





## 1.5. KT CỔ PHIẾU QUỸ



Ví dụ 5: Công ty Phát Đạt (ĐVT: 1.000 đồng)

1/ Ngày 15/10/20X1: Mua 100.000 cổ phiếu làm CPQ, giá khớp lệnh 20/CP, phí giao dịch 0,4%.

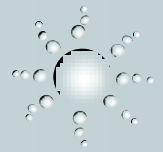
2/ Ngày 20/2/20X2: Tái phát hành 50.000 CPQ, giá khớp lệnh 25/CP, phí giao dịch 0,4%.

3/ Ngày 5/5/20X2: dùng 20.000 CPQ để chia cổ tức cho cổ đông với giá thị trường 22/CP.

*Biết rằng:* tất cả các giao dịch đã thanh toán bằng chuyển khoản.

*Yêu cầu:* Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

## 1.6. KT LN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI



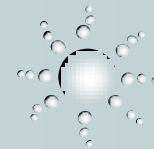
### 1. Định kỳ DN tạm phân phối LN

- Tạm chia lãi cho cổ đông và các bên LD.
- Tạm trích các quỹ

2. Cuối năm TC, DN nộp BCTC cho cơ quan thuế, cơ quan thuế sẽ KT và duyệt quyết toán về thuế, trong đó xác định chính thức thu nhập chịu thuế và số thuế mà DN phải tạm nộp cho năm TC đó.

3. DN xác định số lãi chia bổ sung cho cổ đông, các bên liên doanh, LN trích lập bổ sung cho các quỹ (nếu có)

## 1.6. KT LN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI



**TK 4212**

**TK 911**

**K/C LÃI**

**TK .....**

**K/C LN CHƯA PHÂN PHỐI  
VÀO CUỐI NĂM TC**

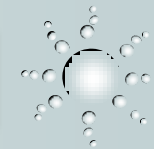
**TK 111, 112, 338**

**TẠM CHIA LN CHO CỔ ĐÔNG, LD**

**414, 353...**

**TẠM TRÍCH CÁC QUỸ**

# 1.6. KT LN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI



**TK 4211**

**TRƯỜNG HỢP: PHÂN PHỐI  
ÍT HƠN SỐ TẠM TRÍCH**

**TK 111, 112, 338**

**CHIA LN BỔ SUNG CHO C.ĐÔNG, LD**



**TK 414, 353...**

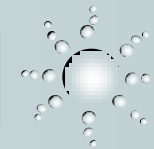
**TRÍCH CÁC QUỸ BỔ SUNG**



**TK .....**

**K/C LN CHƯA PHÂN PHỐI  
(CUỐI NĂM TC)**

## 1.6. KT LN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI



**TK 4211**

TRƯỜNG HỢP: PHÂN  
PHỐI VƯỢT LN TẠO RA

**TK 4212**

K/C LN CHI VƯỢT

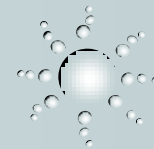
**TK 414, 353...**

GIẢM CÁC QUỸ DO TRÍCH VƯỢT

**TK 138**

LN CHIA VƯỢT CHO C.ĐÔNG, LD

## 1.6. KT LN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI



**TK 4211**

**XỬ LÝ LỖ**

**TK 4212**

**LỖ**

**TK 111, 112, 138**

**ĐƯỢC CẤP BÙ LỖ  
CÁC BÊN GÓP VỐN CHỊU**

## 2. TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BCTC

*Ví dụ thực tế: BCTC của công ty niêm yết*